

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/DS-PT

Ngày: 22/01/2024

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Tín

Bà Võ Thị Trâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Bùi Hồng Nam - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 137/2023/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 02/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ. Địa chỉ: T, số A phố T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị; **người đại diện theo ủy quyền:** Ông Cao Thế T1 – Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ; ông Cao Thế T1 ủy quyền lại cho ông Trịnh Xuân T2 – Giám đốc Phòng G tham gia tố tụng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Văn M, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Lô G, ô 15, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 1970; địa chỉ: Lô G, ô A, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ trình bày:

Ngày 08/3/2017, Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K (viết tắt là B) ký Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7401942/HĐTD và ngày 27/10/2017 tiếp tục ký Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7401942/SĐBS cho ông Trần Văn M vay tổng số tiền 8.227.000.000đ (*Tám tỷ hai trăm hai mươi bảy triệu đồng*) để đóng mới tàu khai thác hải sản xa bờ theo Nghị định 67 của Chính phủ, lãi suất cho vay năm đầu tiên tính từ ngày ký hợp đồng tín dụng là 7%/năm, lãi suất các năm tiếp theo B thông báo cho bên vay trên cơ sở chỉ đạo của Ngân hàng N, gốc trả 03 tháng/lần, lãi trả hàng tháng, lãi nợ quá hạn là 130% lãi trong hạn. Ngân hàng đã giải ngân cho ông M 7.965.797.371đ (*Bảy tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi mốt đồng*).

Ngày 17/9/2019, B ký Hợp đồng tín dụng số 02/2019/7401942/HĐTD, cho ông Trần Văn M vay 950.000.000đ (*Chín trăm năm mươi triệu đồng*) để sửa chữa nhà ở với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân lần đầu, lãi suất kỳ đầu tiên là 10,5%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 06 tháng/lần, gốc/lãi trả hàng tháng, lãi nợ quá hạn là 150% lãi trong hạn.

Ngày 10/12/2020, B ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2020/7401942/HĐTD, cho ông Trần Văn M vay 1.900.000.000đ (*Một tỷ chín trăm triệu đồng*) để sản xuất kinh doanh, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể, lãi nợ quá hạn là 150% lãi trong hạn, gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng. Ngày 02/6/2022, hai bên ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/7401942/HĐTD (chuyển tiếp hợp đồng cũ) với hạn mức vay là 1.656.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 02/6/2022; thỏa thuận về lãi giống hợp đồng cũ, lãi suất cố định là 12,4%/năm, lãi nợ quá hạn là 150% lãi trong hạn, gốc trả cuối kỳ, lãi trả hàng tháng.

Ngày 17/12/2020, B ký Hợp đồng tín dụng số 03/2020/7401942/HĐTD, cho ông Trần Văn M vay 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) để tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất kỳ đầu tiên là 9,5%/năm, lãi suất các kỳ tiếp theo điều chỉnh 06 tháng/lần, lãi nợ quá hạn là 150% lãi trong hạn, gốc/lãi trả hàng tháng.

Để đảm bảo cho các khoản vay trên, ông Trần Văn M và vợ là bà Phạm Thị Ngọc L đã thế chấp các tài sản gồm:

- Tàu gỗ KH-96658-TS (hiện đã bị chìm) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/7401942/HĐTC ngày 30/3/2016.

- Tàu gỗ KH-98156-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/7401942/HĐBĐ ký ngày 27/10/2017.

- Tàu cá vỏ composite KH-99207-TS (đóng mới theo Nghị định 67 của Chính phủ) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/7401942/HĐBĐ ký ngày 27/12/2017.

- Nhà đất tại lô G, ô 15, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/7401942/HĐBĐ ký ngày 18/09/2019.

Do chi phí khai thác ngày càng tăng, trong khi đó sản lượng khai thác cũng như giá đầu ra thủy sản giảm dần đến hoạt động khai thác của ông Trần Văn M không hiệu quả, thua lỗ, không có khả năng trả được nợ vay cho Ngân hàng và Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay trên sang nợ quá hạn với lãi suất 130% lãi vay trong hạn. Mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc nhở, cơ cấu nợ nhiều lần theo chính sách của ngân hàng N nhưng tình hình trả nợ của ông M vẫn không cải thiện.

Tính đến hết ngày 02/8/2023, ông Trần Văn M còn nợ Ngân hàng tổng số tiền như sau:

- Khoản vay đóng tàu khai thác hải sản theo Nghị định 67 (vay 8.227.000.000đ), còn nợ 6.546.269.239đ, trong đó, nợ gốc: 6.171.797.371đ (trong đó, nợ gốc đang quá hạn là 938.000.000đ), nợ lãi trong hạn là 356.692.865đ và phí phạt là 17.779.003đ.

- Khoản vay sửa chữa nhà ở (vay số tiền 950.000.000đ), còn nợ 592.605.077đ, trong đó, nợ gốc 586.600.000đ và nợ lãi 6.005.077đ.

- Khoản vay sản xuất kinh doanh (vay số tiền 1.900.000.000đ), còn nợ 1.474.492.143đ, trong đó, nợ gốc 1.446.000.000đ và nợ lãi 28.492.143đ.

- Khoản vay tiêu dùng (vay số tiền 200.000.000đ), còn nợ 98.674.324đ, trong đó, nợ gốc 97.700.000đ và nợ lãi: 974.324đ.

Tổng nợ gốc và lãi của 04 khoản vay trên là: 8.712.040.782đ (trong đó nợ gốc: 8.302.097.371đ, nợ lãi: 392.164.408đ, phí phạt: 17.779.003đ).

Nay, Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Trần Văn M trả cho Ngân hàng nợ gốc và lãi tính đến hết ngày 02/8/2023 là: 8.712.040.782đ và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/8/2023 đến khi Ngân hàng thu hồi hết toàn bộ nợ vay. Trường hợp ông Trần Văn M không có khả năng trả nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang giải quyết bán tài sản thế chấp là các tàu cá và bất động sản thuộc sở hữu của khách hàng để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng. Trong số các tài sản ông M, bà L thế chấp, tàu gỗ KH-96658-TS đã bị chìm, tàu KH-96815-TS và tàu KH-90017-TS đã được Ngân hàng đồng ý cho ông M bán để trả nợ Ngân hàng nên Ngân hàng không yêu cầu xem xét giải quyết 03 tài sản thế chấp này.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn ông Trần Văn M trình bày:

Ông Trần Văn M đã ký 04 hợp đồng tín dụng để vay tiền và hiện còn nợ Ngân hàng TMCP Đ đúng như Ngân hàng trình bày.

- Để bảo đảm cho khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7401942/HĐTD ngày 08/3/2017, ông M đã thế chấp:

- + Tàu cá vỏ composite KH-99207-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/7401942/HĐBĐ ký ngày 27/12/2017;

- + Tàu gỗ KH-98156-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/7401942/HĐBĐ ký ngày 27/10/2017.

- Để đảm bảo cho các khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 02/2019/7401942/HĐTD ngày 17/9/2019, Hợp đồng tín dụng số 02/2020/7401942/HĐTD ngày 10/12/2020, Hợp đồng tín dụng số 03/2020/7401942/HĐTD ngày 17/12/2020, ông M đã thế chấp:

- + Nhà đất tại Lô G, ô 15, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa;
- + Tàu gỗ KH-96658-TS (hiện đã bị chìm);
- + Tàu gỗ KH-96815-TS,
- + Tàu gỗ KH- 90017-TS

Trong đó, tàu gỗ KH-96658-TS đã bị chìm; tàu KH-96815-TS và KH-90017-TS ông M đã bán để trả nợ Ngân hàng.

Hiện nay, do việc khai thác hải sản gặp nhiều khó khăn nên ông M đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông được trả các khoản nợ của Ngân hàng như sau:

- Đối với khoản vay tại Hợp đồng tín dụng số 01/2017/7401942/HĐTD ngày 08/03/2017, từ nay đến hết ngày 31/12/2023, ông M sẽ trả hết số nợ quá hạn tính đến ngày 27/3/2023 là 658.000.000đ. Sau đó, ông M sẽ trả dần mỗi năm 300.000.000đ cho đến khi hết nợ.

- Đối với các Hợp đồng tín dụng số 02/2019/7401942/HĐTD ngày 17/9/2019; Hợp đồng tín dụng số 02/2020/7401942/HĐTD ngày 10/12/2020; Hợp đồng tín dụng số 03/2020/7401942/HĐTD ngày 17/12/2020, ông M vẫn tiếp tục trả gốc và lãi theo thỏa thuận đã ký kết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc L trình bày:

Bà L thống nhất với ý kiến trình bày của ông Trần Văn M về số tiền vay và các tài sản đã thế chấp. Hiện nay, việc khai thác hải sản gặp nhiều khó khăn nên bà L đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông bà được trả các khoản nợ của Ngân hàng theo phương án mà ông M đã đề nghị.

Bản án sơ thẩm số: 56/2023/DS-ST ngày 02 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa đã căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; buộc bị đơn ông Trần Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc L phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ – Chi nhánh K số tiền tính đến ngày 02/8/2023 là: 8.712.040.782đ (Tám tỷ bảy trăm mười hai triệu không trăm bốn mươi nghìn bảy trăm tám mươi hai đồng), trong đó:

+ Nợ gốc: 8.302.097.371đ (Tám tỷ ba trăm lẻ hai triệu không trăm chín mươi bảy nghìn ba trăm bảy mươi một đồng);

+ Nợ lãi: 392.164.408đ (Ba trăm chín mươi hai triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn bốn trăm lẻ tám đồng);

+ Phí phạt: 17.779.003đ (Mười bảy triệu bảy trăm bảy mươi chín nghìn không trăm lẻ ba đồng);

Ông Trần Văn M và bà Phạm Thị Ngọc L tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 03/8/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp ông Trần Văn M, bà Phạm Thị Ngọc L không thanh toán toàn bộ khoản nợ trên, Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố N kê biên, bán các tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Trần Văn M, bà Phạm Thị Ngọc L thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ, Ngân hàng TMCP Đ phải trả lại cho ông M, bà L toàn bộ giấy tờ liên quan đến các tài sản đã thế chấp.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/8/2023, bị đơn ông Trần Văn M kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét để Ngân hàng cơ cấu lại khoản vay, khoan nợ quá hạn (trả dần) và không phát mãi tài sản thế chấp là tàu cá KH-99207-TS, tạo điều kiện để gia đình tiếp tục đi biển vì việc dẫn đến nợ quá hạn 938.000.000đ là do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19.

Trình bày của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Trần Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận 04 khoản vay và các khoản nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 02/8/2023 như nguyên đơn trình bày và quyết định của bản án sơ thẩm; xác nhận số nợ gốc và lãi bị đơn đã trả thêm sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án như trình bày của Ngân hàng tại phiên tòa phúc thẩm. Bị đơn kháng cáo đề nghị:

- Cho trả dần mỗi năm 300.000.000đ đối với khoản vay đóng mới tàu (vay 8.227.000.000đ); trả nợ lãi hàng tháng, còn nợ gốc thì khi nào có tiền sẽ trả đối với khoản vay sản xuất kinh doanh (vay số tiền 1.900.000.000đ - đã quá hạn); tiếp tục thực hiện hợp đồng vay đối với 02 khoản vay còn lại.

- Không xử lý các tài sản bảo đảm là tàu cá vỏ gỗ KH-98156-TS; tàu cá vỏ composite KH-99207-TS (đóng mới theo Nghị định 67 của Chính phủ) và nhà đất tại lô G, ô 15, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Theo bị đơn, khoản vay đóng mới tàu chỉ được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm là tàu cá vỏ composite KH-99207-TS.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc L thống nhất với trình bày và kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn M.

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và trình bày: Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, bị đơn đã trả thêm cho nguyên đơn các khoản nợ gốc và nợ lãi và mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với 03 hợp đồng vay sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 02/2019/7401942/HĐTD ngày 17/9/2019 (vay sửa chữa nhà 950.000.000đ): Trả nợ gốc 47.400.000đ (như vậy, nợ gốc còn lại là 539.200.000đ); trả hết nợ lãi tính đến ngày 02/8/2023 là 6.005.077đ và trả thêm lãi phát sinh là 21.118.875đ.

- Đối với Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2020/7401942/HĐTD ngày 10/12/2020 (vay sản xuất kinh doanh 1.900.000.000đ): Trả hết nợ lãi tính đến ngày 02/8/2023 là 28.492.143đ và trả thêm lãi phát sinh là 76.686.457đ.

- Đối với Hợp đồng hạn mức tín dụng số 03/2020/7401942/HĐTD Ngày 17/12/2020 (vay tiêu dùng 200.000.000đ): Trả nợ gốc 19.800.000đ (như vậy, nợ gốc còn lại là 77.900.000đ); trả hết nợ lãi tính đến ngày 02/8/2023 là 974.324đ và trả thêm lãi phát sinh là 4.918.119đ.

Như vậy, nợ gốc còn lại của cả 04 khoản vay là 8.234.897.371đ và chỉ còn khoản vay đóng mới tàu còn nợ lãi tính đến ngày 02/8/2023 như quyết định của Tòa án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tại phiên tòa phúc thẩm:

Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đã tiếp tục trả một số khoản nợ gốc và nợ lãi trong số tiền mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên nên cần sửa bản án sơ thẩm, trừ đi các khoản đã trả này cho bị đơn. Án phí được giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn cho rằng việc không trả được nợ gốc và lãi đối với hợp đồng tín dụng đóng mới tàu theo Nghị định 67 của Chính phủ là do dịch bệnh là không có căn cứ vì bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc từ tháng 12/2018 (trước khi dịch bệnh xảy ra), Ngân hàng đã 02 lần thực hiện cơ cấu nợ khoản vay cho bị đơn và đến tháng 4/2022 (sau khi hết dịch bệnh covid-19), bị đơn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi.

[2] Bị đơn cho rằng khoản vay đóng mới tàu theo Nghị định 67 của Chính phủ chỉ được bảo đảm duy nhất bằng tài sản là tàu cá vỏ composite KH-99207-TS (tàu được đóng mới từ khoản vay này). Tuy nhiên, theo Điều 3a Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/7401942/HĐBĐ ký ngày 27/10/2017 (bút lục 138), Điều 3a Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/7401942/HĐBĐ ký ngày 27/10/2017 (bút lục 147) và Điều 4 Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/7401942/HĐBĐ ký ngày 18/09/2019 (bút lục 155) giữa các bên thì tất cả các khoản vay đang có tranh chấp trong vụ án đều được bảo đảm bằng các tài sản là tàu cá vỏ gỗ KH-98156-TS, tàu cá vỏ composite KH-99207-TS và nhà đất tại lô G, ô 15, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

[3] Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi của khoản vay đóng mới tàu theo Nghị định 67 nên Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tất cả các tài sản bảo đảm cho khoản vay này. Các tài sản bảo đảm này cũng đồng thời là tài sản bảo đảm cho 03 khoản vay thương mại còn lại của bị đơn nên theo qui định tại điểm q khoản 1 Điều 9 của Điều kiện và điều khoản cho vay kèm các hợp đồng tín dụng (bút lục 97) và khoản 3 Điều 296 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc, lãi của khoản vay đóng mới tàu và 03 khoản vay thương mại còn lại và yêu cầu về xử lý tài sản bảo đảm là có

căn cứ. Các đề nghị của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm về trả nợ dần, tiếp tục hợp đồng vay đối với khoản vay sửa chữa nhà, vay tiêu dùng và không xử lý tài sản bảo đảm không được Ngân hàng chấp nhận. Như vậy, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ.

[4] Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn đã trả bớt nợ gốc và lãi của một số khoản vay như trình bày của nguyên đơn ở trên và được bị đơn xác nhận là đúng nên cần sửa bản án sơ thẩm, trừ đi các khoản nợ gốc và lãi đã trả này; các khoản lãi đã trả thêm còn lại sẽ được trừ vào lãi phát sinh sau ngày 02/8/2023 trong quá trình thi hành án.

[5] Án phí: Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 296, Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Sửa bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn ông Trần Văn M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Ngọc L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ số tiền nợ tính đến ngày 02/8/2023 là: 8.609.369.239đ (*tám tỷ, sáu trăm linh chín triệu, ba trăm sáu mươi chín nghìn, hai trăm ba mươi chín đồng*), trong đó:

+ Nợ gốc: 8.234.897.371 (*Tám tỷ, hai trăm ba mươi bốn triệu, tám trăm chín mươi bảy nghìn, ba trăm bảy mươi một đồng*);

+ Nợ lãi: 356.692.865đ (*Ba trăm năm mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm sáu mươi năm đồng*);

+ Phí phạt: 17.779.003đ (*Mười bảy triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, không trăm linh ba đồng*);

Ông Trần Văn M và bà Phạm Thị Ngọc L tiếp tục thanh toán các khoản lãi phát sinh theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng tính từ ngày 03/8/2023 cho đến khi trả xong nợ gốc.

Trường hợp ông Trần Văn M, bà Phạm Thị Ngọc L không thanh toán toàn bộ khoản nợ trên, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố N kê biên, bán các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm:

- Tàu cá vỏ gỗ KH-98156-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/7401942/HĐBĐ ký ngày 27/10/2017.

- Tàu cá vỏ composite KH-99207-TS theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/7401942/HĐBĐ ký ngày 27/12/2017.

- Nhà đất tại lô G, ô 15, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/7401942/HĐBĐ ký ngày 18/09/2019.

Trường hợp ông Trần Văn M, bà Phạm Thị Ngọc L thanh toán xong toàn bộ các khoản nợ, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ phải trả lại cho ông M, bà L toàn bộ giấy tờ liên quan đến các tài sản đã thế chấp.

2. Án phí dân sự:

- Ông Trần Văn M phải chịu 116.609.369đ án phí sơ thẩm và 300.000đ án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0012117 ngày 15/9/2023; như vậy, ông M chỉ còn phải nộp 116.609.369đ án phí.

- Trả lại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ 58.590.000đ tạm ứng án phí tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0001534 ngày 18/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

Qui định chung: Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Các đương sự; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;

- TAND TP. Nha Trang;

- Chi cục THADS TP. Nha Trang;

- Lưu: VP, Tòa DS, hồ sơ vụ án.

Lê Thị Hiền